TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2024/DS-ST
Ngày: 06-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 477/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Kim H, sinh năm: 1966; địa chỉ: D Khu C, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Thị Ngọc L, sinh năm 1985; thường trú: 2 Thủy X, P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy ủy quyền ngày 26/10/2023), vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trường V, sinh năm: 1976 và Bà Nguyễn Kim P, sinh năm: 1970; địa chỉ: C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1954; địa chỉ: H, Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết bà Đinh Thị Kim H có cho ông Nguyễn Trường V và bà Nguyễn Kim P vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng các bên có lập Giấy xác nhận nợ tiền vay chưa trả ngày 10/9/2023 theo thỏa thuận các bên thỏa thuận đến ngày 25/10/2023 sẽ trả hết khoản nợ. Để đảm bảo cho việc trả nợ ông Nguyễn Văn T là cha của ông V đồng ý đứng ra bảo lãnh trả nợ thay nếu ông V, bà P không trả. Ông T dùng tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2264, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CR 286713 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/8/2019 đảm bảo cho việc trả nợ. Tuy nhiên, đến ngày 25/10/2023 ông V, bà P không trả số tiền vay nêu trên, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp nên nguyên đơn khởi yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể:

- Buộc ông Nguyễn Trường V, bà Nguyễn Kim P và ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà Đinh Thị Kim H số tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Buộc ông Nguyễn Trường V, bà Nguyễn Kim P và ông Nguyễn Văn T trả cho bà Đinh Thị Kim H số tiền lãi suất 2%/tháng theo thỏa thuận tạm tính từ ngày 10/9/2023 đến ngày xét xử vụ án là 05 tháng = 300.000.000 đồng x 2% x 5 tháng = 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy xác nhận nợ tiền vay chưa trả ngày 10/9/2023 và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2024 ông Nguyễn Trường V và bà Nguyễn Kim P trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Trường V và bà Nguyễn Kim P có mượn bà Đinh Thị Kim H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) có lập Giấy xác nhận nợ tiền vay chưa trả ngày 10/9/2023 và thỏa thuận đến ngày 25/10/2023 sẽ trả hết khoản nợ. Tại thời điểm lập giấy bà H yêu cầu ghi tên ông Nguyễn Văn T và yêu cầu ông T ký tên để bảo lãnh khoản nợ vay. Việc vay mượn giữa ông Nguyễn Trường V, bà Nguyễn Kim P và bà Đinh Thị Kim H, ông T không biết. Tuy nhiên, do hiện nay đang khó khăn chưa trả được cho bà H như thỏa thuận. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông V và bà P đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện và sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn và không có yêu âu phản tố, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2024 ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Trường V là con ruột của ông T và bà Nguyễn Kim P là con dâu. Việc bà H có cho ông Nguyễn Trường V và bà Nguyễn Kim P vay tiền thì ông không biết, ông xác nhận chữ ký trong Giấy xác nhận nợ tiền vay chưa trả ngày 10/9/2023 là chữ ký của ông T, nhưng do tin tưởng con nên khi ông V và bà P đưa thì ông ký còn nội dung như thế nào ông T không biết. Do đó nguyên đơn khởi kiện trong trường hợp bà Nguyễn Kim P, ông Nguyễn Trường V không thực hiện việc thanh toán hết số nợ nêu trên cho bà Đinh Thị Kim H thì ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ trên thì ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Đối với vụ án ông T không có yêu cầu độc lập.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Trường V, bà Nguyễn Kim P trả số tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi suất 1.6%/tháng từ ngày 10/9/2023 đến ngày 06/8/2024 làm tròn 10 tháng, cụ thể: 300.000.000 đồng x 1.6%/tháng x 10 tháng = 48.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Nguyễn Kim P, ông Nguyễn Trường V phải trả cả gốc và lãi là 348.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám triệu đồng). Trường hợp bà Nguyễn Kim P, ông Nguyễn Trường V không thực hiện việc thanh toán hết số nợ nêu trên cho bà Đinh Thị Kim H thì ông Nguyễn Văn T người bảo lãnh có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trường V và bà Nguyễn Kim P trả số tiền vay nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An

[1.3]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến trình bày tại Biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng và đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Về xác định tư cách tố tụng: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn xác định ông Nguyễn Văn T tham gia vụ án với tư cách bị đơn, tuy nhiên trong quá trình tố tụng nguyên đơn thay đổi tư cách tố tụng của ông T tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy, nguyên đơn xác định ông Nguyễn Văn T tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp không ảnh hưởng đến tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án theo quy định tại khoản 6 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Xét tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2024 ông Nguyễn Trường V và bà Nguyễn Kim P1 đều thừa nhận có mượn của bà Đinh Thị Kim H số tiền 300.000.000 đồng và hai bên có lập Giấy xác nhận nợ tiền vay chưa trả các bên thỏa thuận ngày 25/10/2023 sẽ trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện nên bà Đinh Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trường V và bà Nguyễn Kim P1 phải thanh toán số tiền nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[2.2]. Về tiền lãi: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 10/9/2023 đến ngày 06/8/2024 làm tròn 10 tháng, cụ thể: 300.000.000 đồng x 1.6%/tháng x 10 tháng = 48.000.000 đồng. Xét thấy, việc bị đơn không trả số tiền đã vay đúng theo thời hạn thỏa thuận là xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nguyên đơn yêu cầu lãi suất là 1.6 %/tháng là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Văn T đối với nghĩa vụ trả tiền của bà Nguyễn Kim P, ông Nguyễn Trường V. Xét thấy, tại Giấy xác nhận nợ tiền vay chưa trả ngày 10/9/2023 có nội dung "Bên C đồng ý đứng ra bảo lãnh cho bên B đối với khoản vay 300.000.000 đồng và lãi xuất nêu trên…". Do đến thời hạn trả nợ ông V, bà P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó, căn cứ vào thỏa thuận Giấy xác nhận nợ tiền vay chưa trả thì buộc người bảo lãnh là ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đinh Thị Kim H số tiền còn nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 335; Điều 342 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 36; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 335, 342; 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim H đối với bị đơn ông Nguyễn Trường V và bà Nguyễn Kim P về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

1.1. Buộc ông Nguyễn Trường V và bà Nguyễn Kim P có trách nhiệm trả cho bà Đinh Thị Kim H số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/9/2023 đến ngày 06/8/2024 là 48.000.000 đồng. Tổng cộng là 348.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám triệu đồng).

1.2. Trường hợp ông Nguyễn Trường V và bà Nguyễn Kim P không thực hiện việc thanh toán hết số nợ (theo mục 1.1 nêu trên) cho bà Đinh Thị Kim H thì ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đinh Thị Kim H số tiền ông Nguyễn Trường V và bà Nguyễn Kim P còn nợ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trường V và bà Nguyễn Kim P phải chịu 17.400.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Đinh Thị Kim H số tiền 8.250.000 đồng (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001038 ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hạnh